

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *14*/KTA-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *22* tháng *3* năm 2018

V/v Công bố Báo cáo tài chính năm 2017 đã
được kiểm toán.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Mã chứng khoán: PGD

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 7, Tòa nhà PVGAS Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ,
xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37840445

Fax: 028.37840446

Loại thông tin công bố: 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán (*Chi tiết như tài liệu đính kèm*);

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày *22*/3/2018 tại địa chỉ www.pvgasd.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

Như trên;

- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Người CBTT (để thực hiện);
- Lưu VT, TCKT, HT.03.

GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trung Chính	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên
Ông Trần Anh Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2017)
Ông Lê Bá Khánh Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Như Song	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2017)
Ông Phạm Văn Huệ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Nam	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	Phó Giám đốc
Ông Lê Minh Hải	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Thanh Nam
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 540 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2018, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ. Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

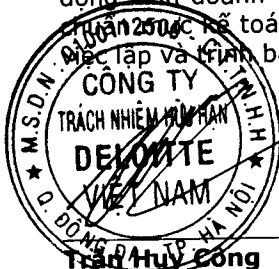
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2018-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower

Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển

Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.189.992.236.339	2.039.279.963.568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.499.178.437.648	1.484.322.428.028
1. Tiền	111		346.773.668.696	252.260.428.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.152.404.768.952	1.232.062.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		617.661.775.789	490.603.137.863
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	616.417.028.202	500.556.946.219
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.552.684.284	1.186.048.412
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	7.688.958.035	9.032.629.135
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(14.996.894.732)	(20.172.485.903)
III. Hàng tồn kho	140	8	31.563.829.435	21.993.517.522
1. Hàng tồn kho	141		31.563.829.435	21.993.517.522
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.588.193.467	42.360.880.155
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.360.944.356	3.260.973.061
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.227.249.111	38.920.156.629
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	179.750.465
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		769.274.917.079	786.865.057.228
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.823.603.125	2.752.856.435
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	2.823.603.125	2.752.856.435
II. Tài sản cố định	220		655.923.291.094	683.461.911.056
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	609.261.745.344	637.595.183.582
- Nguyên giá	222		1.171.335.817.992	1.090.589.645.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(562.074.072.648)	(452.994.462.119)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	46.661.545.750	45.866.727.474
- Nguyên giá	228		50.692.647.004	49.340.485.186
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.031.101.254)	(3.473.757.712)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	3.231.553.759	2.319.915.164
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.231.553.759	2.319.915.164
IV. Tài sản dài hạn khác	260		107.296.469.101	98.330.374.573
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	107.296.469.101	98.330.374.573
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.959.267.153.418	2.826.145.020.796

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower

Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiên

Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

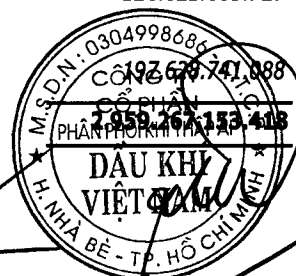
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.543.970.594.737	1.441.470.402.203
I. Nợ ngắn hạn	310		1.543.528.594.737	1.247.031.760.759
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.170.430.827.010	966.115.348.697
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	171.094.092.791	65.552.347.623
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	24.149.352.400	2.588.265.320
4. Phải trả người lao động	314		5.557.699.886	5.479.101.444
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	42.817.549.959	55.643.654.775
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		111.818.182	74.545.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	129.320.127.021	145.212.822.127
8. Vay ngắn hạn	320	18	-	6.200.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		47.127.488	165.675.318
II. Nợ dài hạn	330		442.000.000	194.438.641.444
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	442.000.000	-
2. Vay dài hạn	338	19	-	170.037.044.534
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	24.401.596.910
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.415.296.558.681	1.384.674.618.593
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.415.296.558.681	1.384.674.618.593
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		899.990.250.000	899.990.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		899.990.250.000	899.990.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.050.000	153.050.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(9.550.000)	(9.550.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		178.262.403.866	178.262.403.866
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		12.450.000.000	12.450.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		324.450.404.815	293.828.464.727
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		126.821.663.727	85.340.573.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		197.628.741.088	208.487.891.125
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.959.267.153.418	2.826.145.020.796


Lê Đức Huy
Người lập biểu


Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng


Trần Thanh Nam
Giám đốc



Ngày 15 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower
Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	6.785.865.403.410	4.704.157.249.093
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6.785.865.403.410	4.704.157.249.093
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	6.054.023.499.632	3.883.105.323.188
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		731.841.903.778	821.051.925.905
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	14.621.281.227	15.662.306.208
7. Chi phí tài chính	22		2.082.963.056	18.459.055.995
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.082.963.056	18.459.055.995
8. Chi phí bán hàng	25	26	420.242.247.832	464.872.794.532
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	66.669.016.335	77.836.235.920
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		257.468.957.782	275.546.145.666
11. Thu nhập khác	31	27	5.718.844.927	75.019.231
12. Chi phí khác	32		58.948.649	278.107
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.659.896.278	74.741.124
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		263.128.854.060	275.620.886.790
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	54.440.112.972	56.243.270.665
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		208.688.741.088	219.377.616.125
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.196	2.261


Lê Đức Huy
Người lập biểu


Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng


Trần Thanh Nam
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower
Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	263.128.854.060	275.620.886.790
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	110.823.933.090	163.677.464.462
Các khoản dự phòng	03	(5.175.591.171)	5.881.137.745
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(20.100.372.137)	(15.677.306.208)
Chi phí lãi vay	06	2.082.963.056	18.459.055.995
Các khoản điều chỉnh khác	07	(24.401.596.910)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	326.358.189.988	447.961.238.784
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(116.475.345.501)	(11.519.430.884)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(9.570.311.913)	(2.703.713.402)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	326.452.277.094	115.286.910.699
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.066.065.823)	(26.722.832.997)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.710.733.451)	(18.315.033.367)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.346.093.297)	(68.965.125.208)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.188.822.830)	(16.278.164.688)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	467.453.094.267	418.743.848.937
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(134.852.539.148)	(120.839.260.576)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.479.090.910	15.000.000
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.009.934.125	15.159.650.292
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(114.363.514.113)	(105.664.610.284)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	10.215.078.581
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(176.237.044.534)	(33.100.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(161.996.526.000)	(89.998.070.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(338.233.570.534)	(112.882.991.419)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	16.096.089.620	200.196.247.234
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.484.322.428.028	1.284.126.180.794
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.499.178.237.648	1.484.322.428.028


Lê Đức Huy
Người lập biểu


Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng


Trần Thanh Nam
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower
Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiên
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006815 ngày 23 tháng 5 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 899.990.250.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGD.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần nắm giữ 50,5% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 260 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 256).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp và CNG.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp; mua bán khí công nghiệp (không mua bán gas tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí; xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị công nghệ, xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (NG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG); mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, kinh doanh LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán gas tại trụ sở Công ty); cung cấp dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở Công ty; không thiết kế phương tiện vận tải); mua bán, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chuyển đổi sử dụng khí cho phương tiện giao thông vận tải và máy móc - thiết bị ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khai thác khoáng sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc của Công ty gồm có Văn phòng và 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc, bao gồm:

- Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc.

3049
CÔNG
CỔ PH
HỐI KH
UK
TN
P. HC

101
CỔ
HN
EI
MÊ
G 6

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

980
T
AN
TH
HI
M
C
N
T
A

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị (*)	3 - 20
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Tài sản khác	3

(*) Máy móc và thiết bị bao gồm các hệ thống phân phối khí thấp áp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

- Đối với hệ thống phân phối khí thấp áp tại Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch và Vũng Tàu, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn phương pháp khấu hao nhanh với khung khấu hao là 10 năm để phản ánh phù hợp hơn hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty.

- Đối với các hệ thống phân phối khí thấp áp tại Xí nghiệp Phân phối khí Thấp áp Miền Bắc:

	Năm nay Số năm	Năm trước Số năm
Hệ thống phân phối khí thấp áp cho KCN Tiền Hải – Thái Bình tại Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc	20	10
Hệ thống trạm nén Tiền Hải – Thái Bình và trạm giảm áp phân phối CNG tại Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc	20	10

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định dừng trích khấu hao nhanh đối với “Hệ thống phân phối khí Thấp áp cho KCN Tiền Hải – Thái Bình” và thay đổi thời gian khấu hao đối với hệ thống này và “Hệ thống trạm nén Tiền Hải – Thái Bình và trạm giảm áp phân phối CNG” bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Ban Giám đốc tin rằng việc dừng trích khấu hao nhanh đối với “Hệ thống phân phối khí Thấp áp cho KCN Tiền Hải – Thái Bình” và thay đổi thời gian khấu hao đối với các hệ thống phân phối khí thiên nhiên tại Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc sẽ đảm bảo hiệu quả kinh tế của dự án thuộc khu vực Bắc Bộ. Việc dừng trích khấu hao nhanh và thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao giảm đi với số tiền khoảng 57,7 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng lên với số tiền tương ứng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao trên cơ sở thời gian thực tế được cấp, quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 năm đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê mặt bằng thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm, chi phí bảo dưỡng đường ống, chi phí cải tạo văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày kết thúc năm tài chính.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	687.406.890	657.190.957
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	346.086.261.806	251.603.237.071
Các khoản tương đương tiền	1.152.404.768.952	1.232.062.000.000
	1.499.178.437.648	1.484.322.428.028

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng Việt Nam đồng có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất dao động từ 1%/năm đến 5,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	150.228.041.820	81.569.091.521
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	135.054.755.972	67.953.808.292
Công ty Cổ Phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	33.605.785.872	53.779.783.115
Các khách hàng khác	297.528.444.538	297.254.263.291
	616.417.028.202	500.556.946.219
Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	318.888.583.664	203.302.682.928

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.929.934.211	4.811.281.851
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.294.956.610	1.294.956.610
Phải thu Công ty Cổ phần CNG Việt Nam về 50% chi phí chung tòa nhà Gas Tower	738.072.405	723.940.015
Phải thu tiền lãi dự thu	550.114.129	938.767.027
Tạm ứng	10.000.000	50.000.000
Các khoản phải thu khác	165.880.680	1.213.683.632
	7.688.958.035	9.032.629.135
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ	2.823.603.125	2.752.856.435
	2.823.603.125	2.752.856.435
Phải thu khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	8.533.566.351	8.240.034.911

7. NỢ XẤU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một số khoản nợ xấu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	VND	VND	Thời gian quá hạn	VND	VND	Thời gian quá hạn
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi (*)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.294.956.610	-	Trên 3 năm	1.294.956.610	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Gốm sứ Mỹ Xuân	11.296.297.196	-	Trên 3 năm	11.296.297.196	3.388.889.158	Từ 2 năm đến 3 năm
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.811.281.851	2.405.640.925	Từ 1 năm đến 2 năm	-	-	
Công ty TNHH Gạch men Mỹ Đức	-	-		18.109.391.538	7.139.270.283	Từ 2 năm đến 3 năm
	17.402.535.657	2.405.640.925		30.700.645.344	10.528.159.441	

(*) Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng nợ gốc trừ đi số dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trích lập tương ứng.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.772.723.467	-	4.238.166.739	-
Công cụ, dụng cụ	25.200.748.711	-	16.988.029.388	-
Hàng hoá	590.357.257	-	767.321.395	-
	31.563.829.435	-	21.993.517.522	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	612.273.937	514.080.971
Công cụ, dụng cụ phân bổ ngắn hạn	266.045.419	442.329.388
Bảo dưỡng đường ống	-	1.359.137.502
Chi phí biển quảng cáo	-	277.675.200
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	482.625.000	667.750.000
	1.360.944.356	3.260.973.061
Dài hạn		
Chi phí thuê mặt bằng tại các khu công nghiệp	66.047.391.240	67.814.567.208
Chi phí biển quảng cáo	16.513.218.650	14.595.234.211
Chi phí cải tạo văn phòng	17.097.467.822	9.000.365.861
Công cụ, dụng cụ phân bổ dài hạn	1.785.777.128	623.189.893
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.852.614.261	6.297.017.400
	107.296.469.101	98.330.374.573

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	45.545.065.586	3.726.619.600	68.800.000	49.340.485.186
Tăng trong năm	-	1.412.961.818	-	1.412.961.818
Thanh lý, nhượng bán	-	(60.800.000)	-	(60.800.000)
Số dư cuối năm	45.545.065.586	5.078.781.418	68.800.000	50.692.647.004
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	-	3.404.957.712	68.800.000	3.473.757.712
Trích khấu hao trong năm	-	618.143.542	-	618.143.542
Thanh lý, nhượng bán	-	(60.800.000)	-	(60.800.000)
Số dư cuối năm	-	3.962.301.254	68.800.000	4.031.101.254
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày cuối năm	45.545.065.586	1.116.480.164	-	46.661.545.750
Tại ngày đầu năm	45.545.065.586	321.661.888	-	45.866.727.474

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.469.619.600 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.138.749.600 đồng).

12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	3.231.553.759	2.319.915.164
Trong đó:		
- Nhà văn phòng, kho và hàng rào trạm Hiệp Phước	680.542.706	-
- Hệ thống Phân phối khí Thấp áp cho các khách hàng ở Khu công nghiệp Tiên Hải - Thái Bình	509.833.799	514.280.167
- Dự án "Xây dựng hệ thống PCCC cho trạm LGDS và LGDS mở rộng"	481.602.842	-
- Hệ thống cấp khí cho khách hàng Hyundai Welding	482.951.765	-
- Hệ thống phân phối KTA Hiệp Phước - Long Hậu	408.390.747	-
- Khác	668.231.900	1.805.634.997
	3.231.553.759	2.319.915.164

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Số có khả năng trả nợ	Số tiền	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.059.947.757.210	1.059.947.757.210	813.156.567.396	813.156.567.396
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	80.830.496.818	80.830.496.818	103.396.810.082	103.396.810.082
Các đối tượng khác	29.652.572.982	29.652.572.982	49.561.971.219	49.561.971.219
	1.170.430.827.010	1.170.430.827.010	966.115.348.697	966.115.348.697
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	1.143.560.768.634		938.246.624.510	

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Posco SS Vina	35.721.251.184	1.154.336.800
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	24.645.786.440	21.415.413.887
Công ty TNHH Công nghiệp Gốm Bạch Mã Việt Nam	20.009.447.532	-
Công ty TNHH Công nghiệp Kính NSG Việt Nam	16.523.946.402	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thương Thiên Hoàng - Nhà máy Gạch men Mikado	8.614.225.736	6.724.784.700
Công ty TNHH Posco Việt Nam	8.567.972.414	8.746.185.781
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen - Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	7.078.013.323	8.330.678.321
Các khách hàng khác	49.933.449.760	19.180.948.134
	171.094.092.791	65.552.347.623

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	550.802.844	34.006.551.752	34.087.967.217	469.387.379
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(179.750.465)	179.750.465	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.623.078.770	54.440.112.972	33.346.093.297	22.717.098.445
Các loại thuế khác	414.383.706	9.239.802.188	8.691.319.318	962.866.576
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	414.383.706	9.073.558.222	8.525.075.352	962.866.576
<i>Thuế khác</i>	-	166.243.966	166.243.966	-
Cộng	2.408.514.855	97.866.217.377	76.125.379.832	24.149.352.400
<i>Trong đó:</i>				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.588.265.320			24.149.352.400
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	179.750.465			-

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả chi phí thi công công trình Hệ thống phân phối khí thấp áp Khu công nghiệp Tiên Hải Thái Bình	18.278.709.376	48.465.886.879
Phải trả chi phí thi công công trình Hệ thống tiếp nhận khí cho các khách hàng Long Hàu, Vinafrit, Đông Hải, Vital tại Khu công nghiệp Tiên Hải - Thái Bình	5.770.495.039	-
Phải trả chi phí thi công Dự án Intermalt	10.668.379.991	-
Chi phí phải trả khác	8.099.965.553	7.177.767.896
	42.817.549.959	55.643.654.775
Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	16.881.982.103	43.113.678.341

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	101.016.930.423	117.197.812.339
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	26.418.680.878	26.243.700.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	430.137.718	311.144.064
Cổ tức phải trả	726.374.500	726.374.500
Phải trả ngắn hạn khác	728.003.502	733.791.224
	129.320.127.021	145.212.822.127
Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	442.000.000	-
	442.000.000	-
Phải trả khác cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 30)	101.016.930.423	117.197.812.339

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

18. VAY NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)	6.200.000.000	6.200.000.000	-	6.200.000.000	-	-
	6.200.000.000	6.200.000.000	-	6.200.000.000	-	-

19. VAY DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	176.237.044.534	176.237.044.534	-	176.237.044.534	-	-
	176.237.044.534	176.237.044.534	-	176.237.044.534	-	-

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng	6.200.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	170.037.044.534

Trong năm 2015, Công ty đã ký Hợp đồng vay dài hạn tài trợ cho Dự án "Hệ thống phân phối khí thấp áp cho Khu công nghiệp Tiên Hải - Thái Bình" với hạn mức 38.370.131 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hình thức tín chấp, đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (ngân hàng đầu mối) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á. Lãi suất áp dụng trong năm 2017 là 9%/năm. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã thanh toán toàn bộ số dư của khoản vay này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

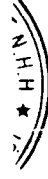
20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	899.990.250.000	153.050.000	(9.550.000)	178.262.403.866	12.450.000.000	179.076.824.944	1.269.922.978.810
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	219.377.616.125	219.377.616.125
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(15.089.725.000)	(15.089.725.000)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(89.998.070.000)	(89.998.070.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	761.818.658	761.818.658
Số dư đầu năm nay	899.990.250.000	153.050.000	(9.550.000)	178.262.403.866	12.450.000.000	293.828.464.727	1.384.674.618.593
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	208.688.741.088	208.688.741.088
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(15.770.275.000)	(15.770.275.000)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (ii)	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(161.996.526.000)	(161.996.526.000)
Số dư cuối năm nay	899.990.250.000	153.050.000	(9.550.000)	178.262.403.866	12.450.000.000	324.450.404.815	1.415.296.558.681

(i) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2017 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Công ty đã trích bổ sung thêm Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 4.710.275.000 đồng và thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 với số tiền là 11.060.000.000 đồng dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 đã được phê duyệt. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 này sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng có đóng thưởng niên năm 2018.

(ii) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2017 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã trích Quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 300 triệu đồng.



Vốn điều lệ và vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 899.990.250.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 11		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	454.500.000.000	50,50%	454.500.000.000
Các cổ đông khác (*)	445.490.250.000	49,50%	445.490.250.000	445.490.250.000
Tổng cộng	899.990.250.000	100%	899.990.250.000	899.990.250.000

(*) Trong đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cổ đông - Tokyo Gas Asia Pte. Ltd. đang sở hữu 24,9 % số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	89.999.025	89.999.025
Cổ phiếu phổ thông	89.999.025	89.999.025
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	955	955
Cổ phiếu phổ thông	955	955
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	89.998.070	89.998.070
Cổ phiếu phổ thông	89.998.070	89.998.070
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

Trong năm, theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT/2017 ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Quản trị trên cơ sở Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2017 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Công ty đã chia cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt với tỷ lệ 18% trên vốn chủ sở hữu.

Cổ tức năm 2017 chi trả cho các cổ đông sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chỉ kinh doanh một mặt hàng duy nhất là khí thiên nhiên và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực kinh doanh khí thiên nhiên và không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán khí thấp áp	6.070.778.399.176	4.321.230.627.963
Doanh thu bán CNG	711.983.628.927	376.150.602.592
Doanh thu khác	3.103.375.307	6.776.018.538
	6.785.865.403.410	4.704.157.249.093
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	1.593.971.702.163	797.563.017.235

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn bán khí thấp áp	5.432.071.598.329	3.573.251.023.174
Giá vốn bán CNG	621.339.241.172	304.260.455.914
Giá vốn khác	612.660.131	5.593.844.100
	6.054.023.499.632	3.883.105.323.188

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí mua khí	6.053.410.839.501	3.877.511.479.088
Chi phí nhân viên	75.224.833.787	80.366.505.445
Chi phí thường an toàn	4.975.699.473	2.188.287.971
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	15.125.946.679	17.754.101.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.823.933.090	163.677.464.462
Chi phí thuê tài sản cố định	68.571.680.705	68.704.790.510
Chi phí thuê văn phòng	5.780.710.622	5.665.528.007
Chi phí vận chuyển CNG	54.810.352.108	57.375.711.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.361.611.254	61.164.283.800
Chi phí khác bằng tiền	78.593.600.965	85.812.357.305
	6.537.679.208.184	4.420.220.509.540

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phản ánh lãi tiền gửi có kỳ hạn và không có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	10.003.669.943	10.341.466.114
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	663.993.133	609.208.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.536.094.284	1.285.743.321
Chi phí thuê văn phòng	5.780.710.622	5.665.528.007
Chi phí bảo hiểm	12.126.868.980	7.211.005.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.019.505.315	4.067.218.388
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(5.175.591.171)	6.281.817.745
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	31.713.765.229	42.374.249.003
	66.669.016.335	77.836.235.920
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	70.196.863.317	72.213.327.302
Chi phí nhiên liệu	7.818.486.655	1.789.107.625
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.461.953.546	17.144.892.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.287.838.806	162.391.721.141
Chi phí thuê tài sản cố định	68.571.680.705	68.704.790.510
Chi phí vận chuyển CNG	54.810.352.108	57.375.711.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.342.105.939	57.097.065.412
Các khoản chi phí bán hàng khác	34.752.966.756	28.156.177.889
	420.242.247.832	464.872.794.532

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.479.090.910	15.000.000
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.501.818.182	15.000.000
- Giá trị còn lại tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(22.727.272)	-
Phạt vi phạm hợp đồng	130.568.328	-
Thu nhập khác	109.185.689	60.019.231
	5.718.844.927	75.019.231

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	263.128.854.060	275.620.886.790
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	238.727.257.150	275.620.886.790
Thu nhập chịu thuế từ hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	24.401.596.910	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	6.631.551.108	4.757.466.010
- Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	87.000.000	54.000.000
- Chi bảo hiểm vượt mức	3.868.500.000	3.936.000.000
- Chi phí khác	2.676.051.108	767.466.010
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	269.760.405.168	280.378.352.800
Thu nhập chịu thuế suất 20% hiện hành	245.358.808.258	280.378.352.800
Thu nhập chịu thuế suất 22% do hoàn nhập quỹ trích các năm trước	24.401.596.910	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	54.440.112.972	56.075.670.560
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	167.600.105
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	54.440.112.972	56.243.270.665

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước (*)</u> (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	208.688.741.088	219.377.616.125
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành (VND)	(11.060.000.000)	(15.900.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	197.628.741.088	203.477.616.125
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	89.998.070	89.998.070
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.196	2.261

(*) Công ty trình bày lại chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước theo số trích lập thực tế Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2017 ngày 28 tháng 3 năm 2017.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ của Công ty
Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Tokyo Gas Asia Pte	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng	6.144.953.332.756	3.976.315.638.991
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.984.878.115.439	3.330.937.227.943
- Mua khí	4.918.692.345.412	3.264.232.216.455
- Chi phí thuê và quản lý tòa nhà	5.779.421.375	5.664.204.000
- Thuê công trình "Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2"	60.010.850.004	60.010.850.004
- Chi phí ăn trưa, điện và khác	395.498.648	526.760.284
- Công ty Dịch vụ khí	-	503.197.200
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	1.134.422.536.297	618.665.538.524
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	8.469.537.834	7.237.571.422
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.756.208.868	3.082.692.542
Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	2.294.487.058	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	2.225.312.334	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	2.218.592.382	976.574.689
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	2.062.400.000	2.801.435.234
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	1.887.558.350	749.271.185
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	1.259.694.739	-
Tổng công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - Công ty cổ phần	1.235.148.636	1.363.973.091
Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát Dầu khí PVE	392.936.202	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	239.037.117	7.064.885.300
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP.HCM	189.755.000	-
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	178.762.500	-
Trường Cao Đẳng Dầu khí	153.250.000	-
Viện Dầu Khí Việt Nam	70.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	20.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Đông tại Vũng Tàu	-	1.886.158.397
Công ty Cổ phần Công nghệ Dầu khí Vũng Tàu	-	1.550.310.664
Bán hàng	1.593.971.702.163	797.563.017.235
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	600.479.051.418	306.798.100.642
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	661.505.577.511	317.594.100.882
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	331.987.073.234	168.868.818.886
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	-	3.146.449.552
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	-	1.155.547.273
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	7.104.055.381	6.497.876.987

Số dư với các bên liên quan chủ yếu tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	318.888.583.664	203.302.682.928
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	150.228.041.820	81.569.091.521
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	135.054.755.972	67.953.808.292
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	33.605.785.872	53.779.783.115
Phải thu ngắn hạn khác	6.962.963.226	6.830.178.476
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.294.956.610	1.294.956.610
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí 2	4.929.934.211	4.811.281.851
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	738.072.405	723.940.015
Trả trước cho người bán ngắn hạn	664.041.716	-
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	241.242.350	-
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	422.799.366	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.570.603.125	1.409.856.435
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.570.603.125	1.409.856.435
Phải trả người bán ngắn hạn	1.143.560.768.634	938.246.624.510
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.059.947.757.210	813.156.567.396
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	80.830.496.818	103.396.810.082
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam	1.124.036.006	13.755.467.858
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	641.833.500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	428.312.500	1.456.934.050
Tổng công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - Công ty cổ phần	350.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	110.880.000	388.520.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	106.992.600	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP.HCM	20.460.000	-
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Dầu Khí - Công ty Cổ phần	-	2.160.543.011
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	-	3.931.782.113
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.881.982.103	43.113.678.341
Liên danh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	16.881.982.103	43.113.678.341
Phải trả ngắn hạn khác	101.016.930.423	117.197.812.339
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	101.016.930.423	117.197.812.339

31. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan đến một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đang thực hiện như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u>
Hệ thống cung cấp khí khu vực Long Thành, Đồng Nai	257.061.143.810	
Hệ thống cấp khí cho Công ty TNHH Intermalt Việt Nam	-	59.779.977.489
Hệ thống cấp khí cho Công ty TNHH Thép Sóng Thần tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	-	13.022.411.808
Hệ thống tiếp nhận khí cho Long Hậu, Vinafrit, Đông Hải, Vital	-	11.700.192.670
Cải tạo nhà văn phòng Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch	-	9.646.799.000
Hệ thống cấp khí cho Công ty Cổ phần SOP Phú Mỹ	-	7.518.722.334
	257.061.143.810	101.668.103.301

Cam kết thuê hoạt động

Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng thuê tài sản số 120/2009/PV GAS-TC-PV GAS D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần) để thuê Hệ thống khí thấp áp giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008.

Công ty đã ký Hợp đồng số 326/2017/PVGAS/DAD-PVG.D/D4 ngày 29 tháng 11 năm 2017 thời hạn 2 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần để thuê văn phòng tại tòa nhà PVGas Tower, giá thuê hàng tháng là 398.125 đồng/m².



Lê Đức Huy
Người lập biểu



Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng



Trần Thanh Nam
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2018